

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/DS-PT
Ngày 27 - 3 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyễn Phìn;

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Phạm Văn Tuệ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Tạ Thị Nhàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Phạm Văn T. Cư trú tại: Đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng H - Luật sư Văn phòng luật sư H - Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà Phạm Thanh N. Cư trú tại: Khu Tái định cư T, tổ N, khối M, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T; cư trú tại: Phòng I, tầng K, tòa nhà L, K, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Hồng Q. Cư trú tại: Số O, ngõ P, V, quận T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Hoàng Thu H. Vắng mặt.

2. Ông Mạc Hồng Q. Vắng mặt.

Cư trú tại: Số X, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thanh N, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Phạm Văn T và bà Phạm Thanh N tranh chấp với nhau hợp đồng vay tài sản trị giá 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng). Theo ông T trình bày: Ngày 10/7/2013 ông Phạm Văn T và bà Phạm Thanh N lập Biên bản thỏa thuận với nội dung ông Phạm Văn T đã cho bà Phạm Thanh N vay số tiền là 2.500.000.000 đồng, tính theo lãi suất của ngân hàng C Lạng Sơn, với thời hạn vay 3 năm, bà Phạm Thanh N phải có trách nhiệm trả lãi cho ông Phạm Văn T để ông Phạm Văn T trả lãi cho Ngân hàng.

Sau khi vay được tiền bà Phạm Thanh N thực hiện trả lãi cho ông Phạm Văn T được 02 tháng đầu, các tháng sau bà N thực hiện trả lãi không đầy đủ, có tháng trả có tháng không trả. Ông Phạm Văn T đã nhiều lần yêu cầu bà Phạm Thanh N trả tiền nhưng bà Phạm Thanh N không trả, thậm chí còn có hành vi đe dọa ông Phạm Văn T. Tổng số tiền bà Phạm Thanh N đã thực hiện trả lãi cho ông Phạm Văn T là 202.000.000 đồng (hai trăm linh hai triệu đồng). Ngoài ra tại biên bản thỏa thuận ngày 10/7/2013 ông Phạm Văn T và bà Phạm Thanh N còn xác định có một khoản tiền lãi riêng là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), bà Phạm Thanh N đã trả được 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng), còn lại 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng) chưa trả.

Nay ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thanh N phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn T bao gồm: Tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định của pháp luật tính đến ngày xét xử sơ thẩm, trừ đi số tiền lãi đã thu được là 202.000.000 đồng và khoản tiền lãi khác là 49.000.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thanh N thừa nhận, bà có vay của ông Phạm Văn T 2.500.000.000 đồng, với thời hạn vay 3 năm, lãi suất thỏa thuận theo lãi của Ngân hàng C. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận vay tiền này, ngày 10/11/2015 giữa vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Phạm Thanh N đã thỏa thuận chấm dứt quan hệ vay nợ này và chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Mạc Hồng Q và bà Hoàng Thu H. Kể từ ngày 10/11/2015 vợ chồng ông Mạc Hồng Q và bà Hoàng Thu H có trách nhiệm trả nợ cho ông Phạm Văn T. Do vậy bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mạc Hồng Q trình bày: Ngày 17/02/2017 vợ chồng bà Phạm Thanh N có đưa cho ông một văn bản có nội dung chuyển giao nghĩa vụ trả nợ như văn bản bị đơn đã cung cấp tại Tòa án. Sau khi đọc văn bản thấy không hợp lý ông đã yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thanh N sửa lại nội dung, ông đồng ý trả cho ông Phạm Văn T số tiền

2.500.000.000 đồng với điều kiện vợ chồng bà Phạm Thanh N phải xóa hết nợ cho vợ ông Mạc Hồng Q và phải được ông Phạm Văn T đồng ý thì văn bản mới có hiệu lực. Sau đó bà Phạm Thanh N yêu cầu ông ký vào 03 văn bản, ông đọc văn bản đầu có nội dung đúng như ông yêu cầu, còn 02 văn bản sau ông không đọc nội dung. Sau khi ông ký 03 văn bản, bà Phạm Thanh N nói sẽ đưa văn bản cho ông Phạm Văn T nếu ông Phạm Văn T đồng ý thì sẽ đưa lại cho ông một bản, nhưng sau đó không thấy bà Phạm Thanh N đưa cho ông văn bản nào. Hiện nay ông vẫn thực hiện trả tiền cho bà Phạm Thanh N vào tài khoản mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Giữa ông Mạc Hồng Q, ông Phạm Văn T và bà Phạm Thanh N không có thỏa thuận về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ, nên văn bản bà Phạm Thanh N cung cấp cho Tòa án là không đúng sự thật.

Với nội dung trên, bản án số 15/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 471, 472, 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T. Buộc bà Phạm Thanh N phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn T số tiền gốc là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi là 1.341.739.726 đồng và tiền lãi của khoản vay khác là 49.000.000 đồng. Tổng cộng là 3.890.739.726 đồng (ba tỷ tám trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Trong hạn luật định, ngày 21/9/2017 bà Phạm Thanh N là bị đơn kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của TAND thành phố Lạng Sơn do vi phạm về thủ tục tố tụng (xử vắng mặt bà Hoàng Thu H và ông Mạc Hồng Q).

Tại phiên tòa người kháng cáo là bà Phạm Thanh N, người đại diện hợp pháp của người kháng cáo là ông Nguyễn Xuân T, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người kháng cáo là ông Lê Hồng Q, người liên quan đến kháng cáo là nguyên đơn, ông Phạm Văn Thanh vắng mặt, các đương sự nói trên đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Tại bản luận cứ gửi kèm đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Hồng Q, là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục tố tụng khi không xác minh nơi cư trú của bà Hoàng Thu H; không tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thu thập lời khai của bà H; không thực hiện lấy bản khai và lời khai của bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; xác định sai tư cách tham gia tố tụng của bà Mạc Thị D; không tiến hành đối chất làm rõ chứng cứ là Biên bản xác nhận thỏa thuận giữa ông T, ông Q, bà H, bà N, ông V để làm rõ tình tiết bù trừ nghĩa vụ trả nợ giữa các bên; vi phạm quyền của đương sự trong vụ án khi không giám định nội dung âm thanh trong băng ghi âm do đương sự cung cấp; số tiền ông T cho bà N vay không phải là tiền riêng của ông T mà là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà D. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Tại bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Trọng H cho rằng, nội dung kháng cáo của bị đơn là không thuyết phục vì bị đơn là người hoàn toàn bình thường, có năng lực trách nhiệm dân sự, có học vấn nên không thể tùy tiện yêu cầu Tòa theo cảm tính. Và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bà Hoàng Thu H để lấy lời khai nhưng bà H không có mặt. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà H cư trú xác định được, bà H vắng mặt tại nơi cư trú, không biết hiện đang cư trú ở đâu, bà H không báo cho chính quyền địa phương biết về việc vắng mặt tại nơi cư trú, sau đó thì bà H và ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Như vậy, theo quy định tại Điều 228 BLTTDS thì việc Tòa án cấp sơ thẩm không thể thu thập được lời khai của bà H và xét xử vắng mặt ông Q, bà H là không vi phạm tố tụng.

Về việc xác định tư cách tố tụng của bà Mạc Thị D: Mặc dù bà D là vợ ông Phạm Văn T, tuy nhiên quan hệ vay tiền chỉ có riêng ông T và bà N, bà D không có liên quan gì. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà D là người làm chứng là đúng quy định.

Về việc giám định âm thanh thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm, người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đề nghị giám định âm thanh, tuy nhiên không cung cấp

được văn bản về nguồn gốc xuất xứ của việc ghi âm, do đó, theo quy định tại Điều 95 BLTTDS thì không có căn cứ để tiến hành giám định.

Về việc cho rằng khoản tiền vay đã được chuyển nghĩa vụ trả nợ sang cho ông Mạc Hồng Q, bà Hoàng Thu H thấy rằng: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở để khẳng định bà Phạm Thanh N vay ông Phạm Văn T 2.500.000.000 đồng. Việc chuyển giao nghĩa vụ chỉ là thỏa thuận giữa bà N và ông Q, bà H, không có sự đồng ý bằng văn bản của ông T với tư cách là bên có quyền. Do đó, theo quy định tại Điều 370 BLTTDS thì việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ không được xác lập, vì vậy không hợp pháp. Như vậy, bà N phải có nghĩa vụ trả cho ông T khoản tiền vay là 2.500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Phạm Thanh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa mở lần thứ 3, các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự đều đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bị đơn, bà Phạm Thanh N thừa nhận bà có vay của ông Phạm Văn T 2.500.000.000 đồng, với thời hạn vay 3 năm, lãi suất thỏa thuận theo lãi của Ngân hàng C. Nhưng bà từ chối thanh toán nợ gốc và lãi cho ông T với lý do ông Phạm Văn T và bà Phạm Thanh N đã thỏa thuận chấm dứt quan hệ vay nợ này và chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Mạc Hồng Q và bà Hoàng Thu H, kể từ ngày 10/11/2015. Tuy nhiên, việc chuyển giao nghĩa vụ không được ông T đồng ý. Khoản 1 Điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 370 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý...”. Ông T không đồng ý với việc chuyển giao nghĩa vụ cho nên việc chuyển giao nghĩa vụ không phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên. Bà N vẫn có nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi theo nội dung thỏa thuận với ông T ngày 10/7/2013.

[4] Đối với nội dung người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo nêu trong bản luận cứ, liên quan đến tư cách tham gia tố tụng và sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm của bà Hoàng Thu H và ông Mạc Hồng Q thấy: Do việc chuyển giao nghĩa vụ giữa ông Phạm Văn T, bà Phạm Thanh N và vợ chồng ông Mạc Hồng Q, bà Hoàng Thu H không được ông Phạm Văn T đồng ý, nên việc chuyển giao nghĩa vụ này không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy ông Mạc Hồng Q và bà Hoàng Thu H không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không cần thiết xác minh nơi cư trú của bà Hoàng Thu H cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; lấy bản khai và lời khai của bà Hoàng Thu H.

[5] Đối với việc xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Mạc Thị D cũng như ý kiến cho rằng, số tiền ông T cho bà N vay không phải là tài sản riêng của ông T mà là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà D, thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 12/6/2017 Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của bà Mạc Thị D với tư cách là người làm chứng. Bà D chỉ làm chứng nội dung duy nhất là bà Mạc Thị D được hai lần lên nhà ông Mạc Hồng Q để lấy tiền về cho ông Phạm Văn T. Xét thấy, những nội dung bà D trình bày không phải là chứng cứ duy nhất, quan trọng để xác định sự thật khách quan. Vì vậy, tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định bà D là người làm chứng là hoàn toàn phù hợp. Hơn nữa, bị đơn, bà Phạm Thanh N cũng đã thừa nhận việc vay nợ giữa bà N và ông T và tại biên bản thỏa thuận ngày 10/7/2013 thể hiện ông Phạm Văn T là người cho bà Phạm Thanh N vay tiền, các hợp đồng tín dụng ông Phạm Văn T cũng là người đứng tên trên hợp đồng vay với các tổ chức tín dụng. Bà Mạc Thị D là vợ ông Phạm Văn T cũng không hề có ý kiến cho rằng số tiền ông Phạm Văn T cho bà Phạm Thanh N vay là tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, không có căn cứ xác định bà Mạc Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6] Đối với yêu cầu giám định nội dung ghi âm trong USB mà bị đơn cung cấp cho Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự: “Tài liệu nghe được, nhìn được được coi là chứng cứ nếu được xuất trình kèm theo văn bản trình bày của người có tài liệu đó về xuất xứ của tài liệu nếu họ tự thu âm, thu hình hoặc văn bản có xác nhận của người đã cung cấp cho người xuất trình về xuất xứ của tài liệu đó hoặc văn bản về sự việc liên quan tới việc thu âm, thu hình đó”. Tại thời điểm bị đơn giao nộp cho Tòa án, bị đơn không xuất trình được văn bản về xuất xứ của tài liệu này, nên Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để xem xét. Trong khi ông Phạm Văn T khẳng định ông không tham gia vào nội dung cuộc trao đổi trong đoạn ghi âm, cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với nội dung cuộc ghi âm này. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của bị đơn là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Phạm Thanh N, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/D-ST ngày 20/9/2017 của TAND thành phố Lạng Sơn.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Phạm Thanh N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thanh N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/D-ST ngày 20/9/2017 của TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn cụ thể:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 471, 472, 473, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T. Buộc bà Phạm Thanh N phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn T số tiền gốc là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi là 1.341.739.726 đồng và tiền lãi của khoản vay khác là 49.000.000 đồng. Tổng cộng là 3.890.739.726 đồng (ba tỷ tám trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thanh N phải chịu 109.814.795 đồng (một trăm linh chín triệu tám trăm mười bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ nhà nước. Trả lại cho ông Phạm Văn T 47.179.000 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2012/03391 ngày 07/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố

Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Án phí phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Phạm Thanh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Phạm Thanh N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2012/03145 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự;
HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nguyễn Phin

